TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH TTH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST.

Ngày: 31/10/2019

"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH TTH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Quang Bình

Các hội thẩm nhân dân: bà Trần Bích Thủy và bà Hồ Thị Phi Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh TTH.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh TTH tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Từ ngày 24 đến ngày 31 tháng 10 năm 2019 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (60 Nguyễn Huệ - Huế) mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 361/2018/TLST-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2018; về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2019/QĐST-DS, ngày 4 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị Kim Ng, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 212 PCT, phường P V, thành phố H, tỉnh TTH (có mặt)

2. Bị đơn: bà Bà Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: phòng 201-B3- Chung cư ĐNTT, phường TA, thành phố H, tỉnh TTH (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2018, sửa đổi đơn khởi kiện ngày 19/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Bà Bà Th giao dịch vay tiền của bà Phạm Thị Kim Ng từ năm 2009, trong quá trình vay thì bà Th đã trả lãi và gốc theo cam kết của các bên. Vào ngày 22/1/2014, bà Th nợ bà Ng 471.016.614 đồng, trong đó, nợ gốc 428.000.000đồng, số tiền còn lại 43.016.614 đồng là tiền nợ lãi với lãi suất 3,5%/tháng. Ngày 15/7/2014 bà Bà Th có viết giấy hẹn trả nợ, nhưng không thực hiện đúng theo cam kết, nên ngày 23/12/2015 các bên tính toán lại tiền nợ gốc và nợ lãi và bà Th đã viết giấy vay tiền,

với số tiền nợ gốc và lãi là 520.000.000đồng, sau đó có trả được số tiền 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 15/1/2016 bà Th còn nợ số tiền 470.000.000đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Bà Th phải trả số tiền nợ 470.000.000đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 15/1/2016 đến ngày 15/12/2018 là 164.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền 470.000.000đồng tính đến ngày xét xử là 10 tháng 15 ngày, với lãi suất theo quy định của pháp luật, với số tiền là 470.000.000đồng x 10 tháng 15 ngày x 13,5%/năm = 55.518.000 đồng. Tổng cộng là 690.018.000 đồng.

Phía bị đơn là bà Bà Th trình bày: thừa nhận có giao dịch vay tiền của bà Phạm Thị Kim Ng, số tiền nợ gốc bà Th không nhớ cụ thể bao nhiêu, nhưng với lãi suất 3,5%/tháng thì tính đến ngày 22/1/2014 số tiền nợ gốc và lãi là 471.016.614 đồng, từ đó đến nay, bà đã trả cho bà Ng được số tiền 350.000.000 đồng. Hiện nay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ng với những lý do sau: giấy vay tiền viết vào ngày 23/12/2015 do bà Ng ép buộc viết giữa đường theo ý chí của bà Ng, từ năm 2014 đến 2016 đã trả cho bà Ng số tiền 350.000.000đồng, so với số nợ gốc không nhớ cụ thể, thì số tiền đã trả là quá lớn, đề nghị Tòa án tính lại số lãi đã trả trên số nợ gốc.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định số nợ gốc là 428.000.000 đồng, theo giấy hẹn trả nợ ngày 15/7/2014, số tiền bà Th đã trả cho bà Ng từ năm 2014 đến 2016 là 350.000.000 đồng được tính lại theo lãi suất 13,5%/năm, tiền trả quá tiền lãi được trừ vào số nợ gốc, bà Th phải tiếp tục trả lãi từ ngày 26/1/2016 đến ngày xét xử trên số nợ gốc đã được trừ do trả lãi quá quy định. Buộc bà Th phải chịu án phí trên số tiền đã trả, bà Ng phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hợp đồng vay tài sản giữa bà Bà Th và bà Phạm Thị Kim Ng là hợp đồng vay không có thời hạn trả nợ toàn bộ, nhưng có cam kết trả nợ một phần trong khoản vay, với lãi suất 3,5%/tháng. Bà Th không xác định được là vay nợ gốc bao nhiêu, nhưng theo giấy hẹn trả nợ ngày 15/7/2014 (bút lục 35) do bà Th viết thì nợ gốc được xác định là 428.000.000 đồng. Tại văn bản tính toán số nợ và tiền đã trả (bút lục 25) do bà Ng viết và thừa nhận của bà Ng tại phiên tòa và biên bản hòa giải (bút lục 29) thì từ ngày 25/1/2014 đến ngày 25/1/2016 bà Th đã trả cho bà Ng số tiền 350.000.000đồng, từ đó đến nay, bà Th không vay thêm một khoản nào. Từ các cơ sở này, Hội đồng xét xử xác định số nợ gốc mà bà Th vay của bà Ng là 428.000.000 đồng. Tính đến ngày 22/1/2014, bà Th nợ bà Ng 471.016.614 đồng,

gồm nợ gốc 428.000.000 đồng, nợ lãi 43.016.614 đồng, lãi này được tính với lãi suất 3,5%/tháng, tương đương với tiền lãi của 86 ngày nợ lãi trước đó.

[2]. Xét yêu cầu tính lại lãi suất của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, quy định về lãi suất, thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận, nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Theo quy định lãi suất cơ bản trong thời điểm vay tiền là 9%/năm, nên các bên được phép thỏa thuận lãi suất tối đa là 9%/năm x150% =13,5%/năm. Do bà Th và bà Ng thỏa thuận tiền lãi 3,5%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nêu trên, nên cần phải tính lại cho phù hợp, số tiền đã trả lãi vượt quá được trừ vào số tiền nợ gốc. Do bà Th không chứng minh được các khoản lãi trước đó đã trả cho bà Ng là bao nhiêu, nên Hội đồng xét xét căn cứ vào giấy tính toán số nợ và thừa nhận của bà Ng để xác định lại mức lãi, cụ thể:

Tính đến ngày 22/1/2014 bà Th nợ tiền gốc 428.000.000 đồng, tiền lãi phải trả 428.000.000 đồng x 86 ngày x 13,5%/năm = 13.803.000 đồng.

Từ ngày 23/1/2014 đến ngày 25/1/2016 thời gian là 2 năm, tiền lãi bà Th phải trả theo quy định của pháp luật là: 428.000.000 đồng x 13,5%/năm x 2 năm = 115.560.000 đồng.

Số tiền lãi bà Th đã nợ trước đây với tiền lãi bà Th phải trả cho bà Ng trong 2 năm là 115.560.000 đồng + 13.803.000 đồng = 129.363.000 đồng. Số tiền lãi bà Th đã trả dư là: 350.000.000 đồng - 129.363.000 đồng = 220.637.000 đồng, số tiền này được trừ vào số nợ gốc.

Như vậy tính đến ngày 25/1/2016 bà Bà Th còn nợ số tiền gốc của bà Phạm Thị Kim Ng là 428.000.000 đồng - 220.637.000 đồng = 207.363.000 đồng.

Bà Ng yêu cầu tính lãi đến ngày 15/12/2018 là 1%/tháng, lãi từ ngày 16/12/2018 đến ngày xét xử là 13,5%/năm. Hội đồng xét xử thấy rằng, mức lãi này là phù hợp pháp luật, nên cần chấp nhận. Tiền lãi từ ngày 26/1/2016 đến nay được tính như sau:

Từ ngày 26/1/2016 đến ngày 15/12/2018 là 34 tháng 20 ngày, tiền lãi là: 207.363.000 đồng x 1%/tháng x 34 tháng 20 ngày = 71.885.840 đồng.

Từ ngày 16/12/2018 đến ngày 31/10/2019 là 10 tháng 15 ngày, tiền lãi là: 207.363.000 đồng x 13,5%/năm x 10 tháng 15 ngày = 24.494.753đồng.

[3] Về khai nại của bà Bà Th cho rằng bà Phạm Thị Kim Ng ép buộc bà viết giấy vay tiền vào ngày 23/12/2015, nên bà không đồng ý trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy vay tiền này viết lại của khoản vay từ năm 2014, có cộng lãi suất cao hơn quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đã tính lại theo yêu cầu của bà Th, nên buộc bà Th phải trả cho bà Ng số tiền nợ gốc tính đến ngày 25/1/2016 là 207.363.000 đồng, tiền nợ lãi từ ngày 26/1/2016 đến nay là 71.885.840 đồng + 24.494.753đồng = 96.380.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 207.363.000 đồng + 96.380.000 đồng = 303.743.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Buộc bà Bà Th phải chịu án phí trên số tiền phải trả là: 303.743.000 đồng x 5% = 15.187.150 đồng.

-Buộc bà Phạm Thị Kim Ng phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là: (690.018.000 đồng - 303.743.000 đồng) x 5% = 19.313.750 đồng. Do bà Ng đã nộp tạm ứng án phí 14.690.000 đồng, nên sau khi khấu trừ án phí phải chịu, buộc bà Ng phải nộp thêm số tiền 4.623.750 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 476; khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b Điều 3 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim Ng.

Buộc bà Bà Th phải trả cho bà Phạm Thị Kim Ng số tiền nợ gốc: 207.363.000 đồng; nợ lãi: 96.380.000 đồng. Tổng cộng: 303.743.000 đồng (Ba trăm lẽ ba triệu, bảy trăm bốn ba nghìn đồng)

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim Ng yêu cầu bà Bà Th phải trả số tiền 386.275.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Bà Th phải chịu án phí: 15.187.150 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Kim Ng phải chịu án phí: 19.313.750 đồng. Do bà Ng đã nộp tạm ứng án phí 14.690.000 đồng, nên sau khi khấu trừ án phí phải chịu, buộc bà Ng phải nộp thêm số tiền 4.623.750 đồng. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007561 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:
-*TA Tỉnh TT Huế*
-*VKS TP Huế*
-*THA TP Huế*
-*Các đương sự*
-*Lưu*

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Hoàng Quang Bình